

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 73/2024/DS-ST

Ngày 13 - 9 - 2024

“V/v tranh chấp đòi tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG - TỈNH NAM ĐỊNH.

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Hùng;

2. Ông Vũ Xuân Thùy.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Mai Vi Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường* tham gia phiên tòa: Ông Đặng Xuân Tự - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2024/TLST-TCDS ngày 04 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2024/QĐXXST-TCDS ngày 08 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2024/QĐST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Đinh Thị L**, sinh năm 1967; địa chỉ: **Xóm A, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định**;

2. *Bị đơn:* Bà **Trịnh Thị L1**, sinh năm 1975 và ông **Lương Quy Đ**, sinh năm 1965; cùng địa chỉ: **Xóm H, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định**.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Mai Văn V**, sinh năm 1964; địa chỉ: **Xóm A, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định**;

(Ông **V**, bà **L**, bà **L1**, ông **Đ** đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà **Đinh Thị L** trình bày:

Bà và vợ chồng bà **L1**, ông **Đ** có quan hệ họ hàng, làm ăn với nhau. Vợ chồng bà **L1**, ông **Đ** làm cơ khí có lấy hàng gang lớp của cửa hàng gia đình bà. Tính đến thời điểm năm 2021 thì vợ chồng **Liên Đ1** còn bà tôi số tiền hàng là 2.589.098.000 đồng. Ngoài số tiền hàng này ra, vợ chồng **Liên Đ1** còn vay bà tổng số tiền là 1.100.000.000 đồng, với lãi suất 1%/tháng. Hai bên đã làm biên bản chốt công nợ với nhau và đến thời điểm hiện tại, tổng số tiền mà vợ chồng **Liên Đ1** còn nợ bà là 3.689.098.000 đồng. Bà đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng bà **L1**, ông **Đ** cứ khất lần không trả.

Bà đã tạo điều kiện để vợ chồng bà **L1**, ông **Đ1** có thời gian thu xếp trả tiền cho bà, nhưng vợ chồng bà **L1**, ông **Đ1** không trả. Nay bà đề nghị Tòa án buộc vợ chồng bà **L1**, ông **Đ1** phải trả cho bà số tiền là 3.689.098.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn bà **Trịnh Thị L1** và ông **Lương Quy Đ** trình bày: Ông bà công nhận lời trình bày của bà **L** là đúng. Hiện nay, ông bà còn nợ lại của bà **L** số tiền 3.689.098.000 đồng. Tuy nhiên, do công việc làm ăn của ông bà hiện nay rất khó khăn, thua lỗ, nên chưa trả nợ cho bà **L** ngay được. Đến nay, ông bà nhận trách nhiệm trả nợ cho bà **L** số tiền trên, đề nghị bà **L** xem xét cho ông bà có thời gian để thu xếp trả dần.

- Ông **Mai Văn V** trình bày: Ông nhất trí với lời trình bày của vợ ông là bà **Đinh Thị L**. Ông không có yêu cầu, bổ sung gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đương sự đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 166 của Bộ luật Dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc vợ chồng bà **L1**, ông **Đ** phải trả cho bà **L** số tiền là 3.689.098.000 đồng. Vợ chồng bà **L1**, ông **Đ** phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Vợ chồng bà L1, ông Đ làm cơ khí có lấy hàng gang lớp của cửa hàng gia đình bà L. Tính đến thời điểm năm 2021 thì vợ chồng Liên Đ1 còn nợ bà L số tiền hàng là 2.589.098.000 đồng. Ngoài số tiền hàng này ra, vợ chồng Liên Đ1 còn vay bà L tổng số tiền là 1.100.000.000 đồng, với lãi suất 1%/tháng. Hai bên đã làm biên bản chốt công nợ với nhau và đến thời điểm hiện tại, tổng số tiền mà vợ chồng bà L1, ông Đ1 còn nợ bà L là 3.689.098.000 đồng. Biên bản chốt công nợ là do hai bên làm với nhau, hai bên đều thừa nhận khoản vay này là đúng, và biên bản chốt công nợ là giấy tờ gốc.

Như vậy, có đủ căn cứ để xác định rằng vợ chồng bà L1, ông Đ1 nợ bà L số tiền là 3.689.098.000 đồng là có thật.

[3] Từ những phân tích nhận định nêu trên, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L về việc kiện đòi nợ vợ chồng bà L1, ông Đ1 là hợp pháp. Vì vậy cần buộc vợ chồng bà L1, ông Đ1 phải thanh toán trả cho bà L số tiền nợ là 3.689.098.000 đồng là phù hợp với Điều 166 của Bộ luật Dân sự.

[4] Về lãi suất: Quá trình giải quyết vụ án, bà L chỉ yêu cầu vợ chồng bà L1, ông Đ1 trả số nợ gốc và không yêu cầu tính lãi, việc không yêu cầu tính lãi của bà L là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định pháp luật nên cần chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà L được chấp nhận nên vợ chồng bà L1, ông Đ1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 166, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị L đối vợ chồng bà Trịnh Thị L1 và ông Lương Quy Đ.

2. Buộc vợ chồng bà Trịnh Thị L1 và ông Lương Quy Đ phải có trách nhiệm trả nợ bà Đinh Thị L số tiền là 3.689.098.000đ (ba tỷ, sáu trăm tám mươi chín triệu, không trăm chín mươi tám nghìn đồng).

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền người phải thi hành án chậm thi hành án phải chịu lãi suất hàng tháng theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Bà Trịnh Thị L1 và ông Lương Quy Đ phải nộp 105.781.000đ (một trăm linh năm triệu, bảy trăm tám mươi một nghìn đồng) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- **H** lại cho bà **Đinh Thị L** số tiền tạm ứng án phí đã nộp 52.800.000đ (năm mươi hai triệu, tám trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0000198 ngày 04/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì nguyên đơn, bị đơn có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Xuân Trường;
- Chi cục THADS huyện Xuân Trường;
- UBND xã Xuân Tiến;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Thung